



Chúc bạn  
sức khỏe dồi dào  
Bình an cát tường.

祝福您  
身體健康 平安吉祥

Khi Bị Viêm Đường  
Ruột Cấp Tính Phải  
Làm Thế Nào?  
急性腸胃炎該怎麼辦?

BỆNH VIỆN ĐA KHOA PHẬT GIÁO Tzu Chi  
佛 教 慈 濟 綜 合 醫 院

BỆNH VIỆN ĐA KHOA PHẬT GIÁO TZU CHI  
各院區健康諮詢專線：

- Tổng Viện Từ Tế Hoa Liên (Hualien) 花蓮慈濟醫院：(03)8562016
- BNH Viện Từ Tế NGỌC LÝ (YULI) 玉里慈濟醫院：(03)8882718-710
- BNH Viện Từ Tế QUAN SƠN (KUANSHAN) 關山慈濟醫院：(089)8148080-128
- Phân Viện Từ Tế Đài Bắc (Taipei) 台北慈濟醫院：(02)66289779-2236
- Phân Viện Từ Tế Đài Trung (Taichung) 台中慈濟醫院：(04)36068278
- Phân Viện Từ Tế Đại Lâm (Dalin) 大林慈濟醫院：(05)2648333
- PHÒNG KHÍM TẠI ĐẦU LỤC (TOULIU) CỦA BNH Viện Từ Tế ĐẠI LÂM (DALIN)  
大林慈濟醫院附設斗六門診部：(05)5372000-127

Website của 網址：http://www.tzuchi.com.tw

大林慈濟醫院99年10月制定

E8R2876766-01

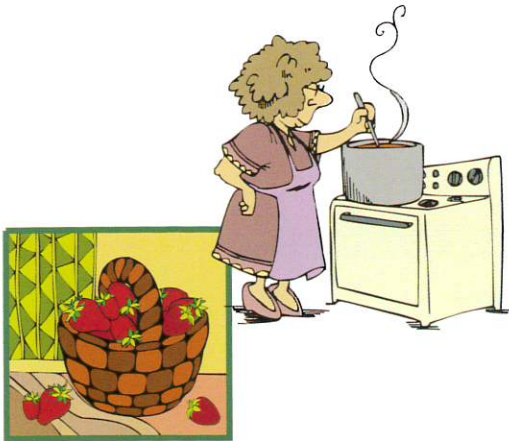
中越文

## 目 錄

Định nghĩa viêm đường ruột -----	P (2)
Triệu chứng -----	P (4)
Những nguyên nhân gây bệnh thường gặp -----	P (6)
Bác sĩ sẽ kiểm tra và xử lý như thế nào -----	P (8)
Nguyên tắc chăm sóc -----	P (10)
Cách phòng ngừa viêm đường ruột cấp tính -----	P (12)
Những trường hợp cần phải trở về bệnh viện để theo dõi -----	P (14)
<b>急性腸胃炎定義 -----</b>	<b>P (3)</b>
<b>症狀 -----</b>	<b>P (5)</b>
<b>常見引起的原因 -----</b>	<b>P (7)</b>
<b>醫師會作什麼檢查及處置 --</b>	<b>P (9)</b>
<b>照顧原則 -----</b>	<b>P (11)</b>
<b>如何預防急性腸胃炎 -----</b>	<b>P (13)</b>
<b>須返院追蹤情況 -----</b>	<b>P (15)</b>

## Định nghĩa viêm đường ruột

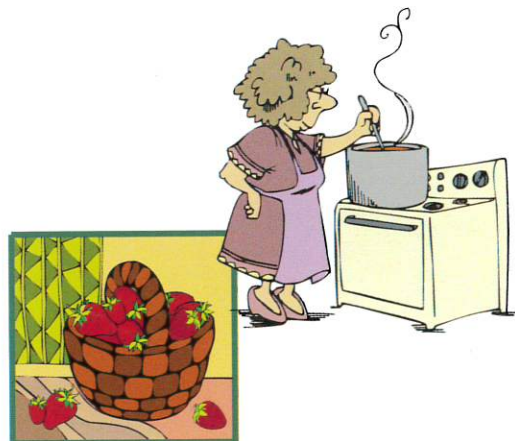
Viêm đường ruột là một chứng bệnh được lây qua đường tiêu hóa có liên quan nhiều về vệ sinh ăn uống. Viêm niêm mạc đường ruột cấp tính là do vi trùng, siêu vi trùng, ký sinh trùng đường ruột, chúng xâm nhập vào cơ thể phần lớn do vệ sinh ăn uống không đảm bảo.



2

## 急性腸胃炎定義

腸胃炎是一種病從口入的疾病，跟飲食衛生有相當大的關係，大多因為食用不潔的食物、污染的水、未煮熟食物，或是烹煮用具不乾淨，造成細菌、病毒、桿菌的侵入，所引起的腸胃黏膜急性發炎。



3

## Triệu chứng

Những triệu chứng thường thấy như buồn nôn, nôn mửa, đau bụng, đầy hơi, tiêu chảy, sốt cao, đổ nhiều mồ hôi, cơ thể bị mất nước, nặng hơn có thể bị shock do nhiễm trùng nặng hoặc mất nước quá nặng.



4

## 症狀

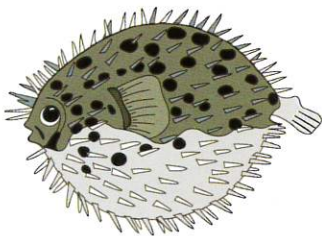
常見的症狀有噁心、嘔吐、肚子痛、腹脹、腹瀉、發燒、流汗、脫水，嚴重時甚至引起休克。



5

## Những nguyên nhân gây bệnh thường gặp

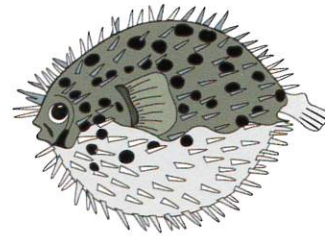
1. Loại siêu vi trùng: Rotavirus, Hémophilus Influenza
2. Loại vi trùng: Cầu trùng, trực khuẩn hình que, phẩy múa tả Salmonella.
3. Trúng thực hoặc bị trúng độc hóa học: nấm độc, cỏ độc hoặc cá nóc, màu thực phẩm, chất phụ gia, hương liệu quá liều, thuốc trừ sâu.
4. Bị nhiễm ký sinh trùng đường ruột như Bệnh kiết lị A-míp...



6

## 常見引起的原因

1. 病毒型：  
輪狀病毒、腺病毒、腸病毒。
2. 細菌型：  
葡萄球菌、大腸桿菌、沙門桿菌。
3. 食物或化學性中毒：  
毒菇、毒草或河豚、毒貝不良添加物、色素、有害防腐劑、過量香料、殘留農藥等。
4. 原蟲性感染，如阿米巴痢疾等。



7

## Bác sĩ sẽ kiểm tra và xử lý như thế nào

1. Bác sĩ sẽ dựa vào các triệu chứng lâm sàng và cận lâm sàng : thử máu, xét nghiệm phân, chụp X quang, siêu âm...
2. Tùy theo nguyên nhân và tình trạng bệnh mà Bác sĩ có thể truyền dịch, dùng thuốc kháng sinh, chống nôn mửa, thuốc trị tiêu chảy, các loại thuốc bảo vệ niêm mạc đường ruột, hoặc thuốc hạ sốt...

8

## 醫師會作什麼檢查及處置

1. 醫生依據臨床病史和症狀，安排抽血、驗糞便、X光、超音波檢查等。
2. 依情況給予點滴補充、止吐劑、緩瀉劑、保護胃黏膜藥物、抗生素或退燒藥等。



9

## Nguyên tắc chăm sóc

1. Chăm sóc bệnh nhân bị tiêu chảy phải rửa tay thường xuyên, nhất là khi tiếp xúc với chất nôn mửa hoặc phân, vì có thể gây lây nhiễm bệnh.
2. Bổ sung đường glu-cô, dung dịch chất điện giải bằng đường uống hoặc bằng đường truyền tĩnh mạch một cách thích hợp .
3. Tạm thời ngưng ăn trong vòng 1-2 ngày để đường ruột được nghỉ ngơi.
4. Khi triệu chứng nôn mửa, đầy hơi, đau bụng đã giảm, có thể cho ăn uống lại. Hãy bắt đầu ăn từ những thức ăn lỏng, dễ tiêu hóa, như cháo trắng, bánh mì sandwich, mì hoặc trứng hấp v.v...
5. Phải uống thuốc đúng liều, đúng giờ theo sự chỉ dẫn của bác sĩ.

## 照顧原則

1. 照顧腹瀉的病人要多洗手，尤其是接觸到嘔吐物或腹瀉物時，更要小心。
2. 適度的補充葡萄糖、電解質液或稀釋一倍的運動飲料。
3. 1 ~ 2 天內暫時不要吃東西讓腸胃休息。
4. 當嘔吐、腹脹、腹痛症狀改善後，可嘗試進食。請由流質、清淡的飲食開始，如白稀飯、白吐司、陽春麵條或蒸蛋等。
5. 要按時服用醫師開立的口服藥物。

## Cách phòng ngừa viêm đường ruột cấp tính

1. Thường xuyên rửa tay trước khi chế biến thức ăn, trước khi ăn và sau khi đi nhà vệ sinh.
2. Chú ý vệ sinh ăn uống, không ăn thức ăn sống, hoặc thức ăn ơ thiu, và những thức ăn không rõ nguồn gốc.
3. Chuẩn bị hai tấm thớt. xử lý thức ăn sống và thức ăn chín nên sử dụng tấm thớt riêng biệt.
4. Tự chuẩn bị đồ dùng ăn uống cá nhân, khi ăn ở ngoài nên chọn những quán ăn đảm bảo điều kiện vệ sinh sạch sẽ.
5. Rau quả phải rửa cho thật sạch.
6. Không nên tùy tiện sử dụng thuốc chống tiêu chảy, phải đến bệnh viện thăm khám để được điều trị sớm.

## 如何預防急性腸胃炎

1. 勤洗手，如烹調食物、飯前便後。
2. 注意飲食衛生，不吃生食或未煮熟及來路不明的食物。
3. 準備兩塊砧板，生食熟食分別使用不同砧板處理。
4. 自備餐具，外食時選擇清潔衛生的店家。
5. 蔬果要仔細清洗乾淨。
6. 不要隨便吃止瀉藥，應到醫院就診，以免延誤到病情及治療。

## Những trường hợp cần phải trở về bệnh viện để theo dõi

1. Triệu chứng bệnh kéo dài hơn một ngày.
2. Tiêu chảy nghiêm trọng dẫn đến khát nước, mất sức, khô da.
3. Đi tiêu ra chất nhầy, ra máu.
4. Sốt liên tục không hạ hoặc đau bụng dữ dội.



## 須返院追蹤情況

1. 症狀超過一天。
2. 嚴重拉肚子造成口渴、無力、皮膚乾燥。
3. 黏液便、血便。
4. 發燒不退或腹痛加劇。

